

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02-3-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Đạo

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị M, sinh năm 1980. Có mặt

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình C, sinh năm 1978. Có mặt

Trú tại: Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-10-2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 02-11-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh Chình thường xuyên uống rượu say rồi về đánh đập, chửi bới chị. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không

thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình C.

Về con chung: Chị và anh Trần Đình C có một con chung là Trần Thị Tr, sinh ngày 27-7-2003, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đình C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Chính không đến Toà án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đình C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 02-11-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Chính thường xuyên uống rượu say rồi về đánh đập, cãi nhau với chị Quý, tuy nhiên chưa đến mức phải ly hôn. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình, địa phương hòa giải nhưng không thành. Kể từ khi chị Mai Thị M làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đi làm ăn xa và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn với chị Quý.

Về con chung: Anh và chị Mai Thị M có một con chung là Trần Thị Tr, sinh ngày 27-7-2003, đã trưởng thành, nếu phải ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M được ly hôn anh Trần Đình C

- Về con chung: Có một con chung là Trần Thị Trang, sinh ngày 27-7-2003, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Anh Trần Đình C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M và anh Trần Đình C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 02-11-1999 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn K, xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Trần Đình C thường xuyên say rượu rồi về đánh đập, chửi bới chị. Anh Trần Đình C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để hoà giải, như vậy anh Trần Đình C đã tự từ bỏ quyền lợi và cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng của bản thân. Mặc dù tại phiên tòa, anh Trần Đình C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng kể từ khi chị Mai Thị M làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết cho ly hôn anh Trần Đình C đi làm ăn xa và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Mai Thị M và anh Trần Đình C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ để chị Mai Thị M được ly hôn anh Trần Đình C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị M và anh Trần Đình C có một con chung là Trần Thị Trang, sinh ngày 27-7-2003, đã trưởng thành, chị Quý không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Mai Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Mai Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M được ly hôn anh Trần Đình C.

2. Về án phí: Chị Mai Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000263 ngày 16-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị Mai Thị M đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy

